

**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NGÀNH: Y HỌC CỔ TRUYỀN - TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

I. DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO

1. Cơ sở vật chất

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 01 phòng (tổng diện tích: 72.576 m²);
- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập: 11 phòng, xưởng (tổng diện tích: 437.58 m²).
- Phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm: 04 phòng, cơ sở (tổng diện tích: 159.12 m²).

2. Thiết bị, dụng cụ đào tạo: Bảo đảm theo quy định

2.1. Phòng học Ngoại ngữ

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
1	Bàn điều khiển	Chiếc		01	
2	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc		01	
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ		01	
4	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ		01	
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ		01	
6	Máy vi tính	Bộ		01	
7	Tai nghe	Bộ		35	
8	Máy in	Chiếc		01	
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc		01	

2.2. Phòng thực hành máy vi tính

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
1	Máy vi tính	Bộ		19	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ		01	
3	Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office	Bộ		01	
4	Bộ phần mềm phonh chữ tiếng	Bộ		01	

	Việt				
5	Phần mềm diệt virus	Bộ		01	
6	Máy Scanner	Chiếc		01	
7	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc		01	
8	Máy in	Chiếc		01	

2.3. Phòng thực hành Giải phẫu

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
1	Máy vi tính	Bộ		01	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ		01	
3	Bảng phooc	Chiếc		01	
4	Mô hình bộ xương người tháo rời	Bộ		01	
5	Mô hình hộp sọ	Bộ		01	
6	Mô hình cơ thể bán thân + nội tạng	Bộ		01	
7	Mô hình cơ thể bán thân hệ cơ	Bộ		01	
8	Mô hình hệ cơ bán thân có đầu	Bộ		01	
9	Mô hình hệ cơ toàn thân	Bộ		01	
10	Mô hình cơ cánh tay	Bộ		01	
11	Mô hình giải phẫu toàn thân	Bộ		01	
12	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ		01	
13	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ		01	
14	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương đầu - mặt - cổ	Bộ		01	
15	Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn	Bộ		01	
16	Mô hình tim	Chiếc		03	
17	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ		01	
18	Mô hình phổi	Chiếc		03	
19	Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá	Bộ		01	
20	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ		03	
21	Mô hình giải phẫu hệ thần kinh	Bộ		03	
22	Mô hình cơ quan sinh dục nam	Bộ		01	
23	Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ	Bộ		01	
24	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng	Bộ		01	
25	Mô hình giải phẫu tai mũi họng	Bộ		03	
26	Mô hình mắt	Bộ		03	
27	Mô hình da phóng đại	Chiếc		03	
28	Mô hình não	Chiếc		03	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
29	Mô hình cắt ngang tuỷ sống	Chiếc		03	
30	Mô hình cắt dọc qua mũi, miệng, hầu	Chiếc		03	
31	Mô hình cắt đứng qua hông chậu nữ	Chiếc		03	
32	Mô hình chi trên/chi dưới cắt lớp	Bộ		03	
33	Mô hình cắt lớp đầu, mặt	Chiếc		03	
34	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý máu và tế bào máu	Bộ		01	
35	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ		01	
36	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ		01	
37	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương đầu, mặt, cổ	Bộ		01	
38	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tuần hoàn	Bộ		01	
39	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ hô hấp	Bộ		01	
40	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tiết niệu	Bộ		01	
41	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thần kinh	Bộ		01	
42	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nam	Bộ		01	
43	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nữ	Bộ		01	
44	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý răng miệng	Bộ		01	
45	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý da	Bộ		01	
46	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thị giác	Bộ		01	
47	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thính giác	Bộ		01	
48	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ khứu giác	Bộ		01	
49	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ vị giác	Bộ		01	

2.4. Phòng thực hành Sinh lý, Hóa sinh, Vi sinh – kỹ sinh trùng

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
1	Máy vi tính	Bộ		01	
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ		01	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
3	Kính hiển vi quang học	Chiếc		03	
4	Máy li tâm	Chiếc		01	
5	Máy điện tim (thực tập tại cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở y tế dự phòng)	Bộ		01	
6	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ		01	
7	Đồng hồ bấm giây	Chiếc		01	
8	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ		01	
9	Tủ an toàn sinh học	Chiếc		01	
10	Nồi hấp	Chiếc		01	
11	Cân kỹ thuật	Chiếc		01	
12	Nồi cách thủy	Chiếc		01	
13	Tủ âm	Chiếc		01	
14	Bộ bình cầu	Bộ		01	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Loại 100ml	Chiếc		01	
	Loại 250ml	Chiếc		01	
	Loại 500ml	Chiếc		01	
15	Bộ bình nón	Bộ		01	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Loại 100ml	Chiếc		01	
	Loại 250ml	Chiếc		01	
	Loại 500ml	Chiếc		01	
16	Bô	Chiếc		01	
17	Cốc	Chiếc		01	
18	Cốc có mỏ	Bộ		01	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Loại 50ml	Chiếc		01	
	Loại 100ml	Chiếc		01	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
	Loại 250ml	Chiếc		01	
	Loại 500ml	Chiếc		01	
19	Dây garo và gối nhỏ	Bộ		01	
20	Dụng cụ xét nghiệm thời gian máu chảy, máu đông	Chiếc		01	
21	Giá để dụng cụ thủy tinh	Chiếc		01	
22	Giá để tiêu bản	Chiếc		01	
23	Gối	Chiếc		01	
24	Hộp tròn đựng bông cotton	Chiếc		01	
25	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ		01	
26	Khay chữ nhật	Chiếc		01	
27	Khay chứa máu	Chiếc		01	
28	Khay hạt đậu	Chiếc		01	
29	Kim lấy máu	Chiếc		01	
30	Lá kính (lamen)	Chiếc		01	
31	Lọ đựng phân	Chiếc		01	
32	Ống đong có chia vạch	Chiếc		01	
	Ống nghiệm	Bộ		01	
	Mỗi bộ gồm				
33	Loại 20ml	Chiếc		03	
	Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc		01	
	Giá kẹp ống nghiệm	Chiếc		01	
	Bộ panh	Bộ		01	
	Mỗi bộ bao gồm				
34	Loại cong có máu	Chiếc		01	
	Loại cong không máu	Chiếc		01	
	Loại thẳng có máu	Chiếc		01	
	Loại thẳng không máu	Chiếc		01	
35	Trụ cắm panh inox	Chiếc		01	
36	Pipet	Chiếc		01	
37	Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)	Chiếc		01	
38	Bộ tiêu bản mẫu ký sinh	Bộ		01	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
	trùng sốt rét,...				
39	Bộ tiêu bản mẫu các loại trứng, ấu trùng giun, sán, đờn bào, trùng roi, trùng lông, a míp, nấm	Bộ		01	
40	Bộ tiêu bản mẫu vi khuẩn, virus thường gặp: lao, lậu, tụ cầu, tụ khuẩn, nhiễm sắc thể, tế bào,...	Bộ		01	
41	Bộ tranh/đĩa CD-ROM về các loại vi khuẩn, virus, vi sinh vật, phân bào, tế bào thần kinh, tế bào cơ,... và các loại giun, sán lá, ký sinh trùng sốt rét, côn trùng truyền bệnh,...	Bộ		01	

2.5. Phòng thực hành Dược lý

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
1.	Máy vi tính	Bộ		01	
2.	Máy chiếu (Projector)	Bộ		01	
3.	Tủ đựng thuốc tây y	Chiếc		01	
4.	Dược thư và sách hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ		01	
5.	Tủ lạnh	Chiếc		01	

2.6. Phòng thực hành Điều dưỡng

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
1	Đồng hồ bấm giây	Chiếc		03	
2	Máy vi tính	Bộ		01	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ		01	
4	Giường người bệnh	Chiếc		01	
5	Chăn	Chiếc		01	
6	Đệm	Chiếc		01	
7	Đệm hơi, nước	Chiếc		01	
8	Ga trải giường	Chiếc		01	
9	Gối	Chiếc		01	
10	Săng trải giường	Chiếc		01	
11	Tấm lót	Chiếc		01	
12	Tủ đầu giường	Chiếc		01	
13	Cáng	Chiếc		01	
14	Xe cáng người bệnh	Chiếc		01	
15	Xe đẩy dùng cho người bệnh	Chiếc		01	
16	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc		01	
17	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ		03	
18	Nhiệt kế điện tử	Chiếc		03	
19	Huyết áp kế cột thủy ngân + ống nghe	Bộ		03	
20	Huyết áp kế điện tử	Chiếc		03	
21	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ		03	
22	Máy cạo râu	Chiếc		01	
23	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc		01	
24	Máy khí rung	Chiếc		01	
25	Máy sấy tóc	Chiếc		01	
26	Bàn chải	Chiếc		03	
27	Bàn chải mềm	Chiếc		03	
28	Băng buộc	Chiếc		03	
29	Băng chun	Cuộn		03	
30	Băng cuộn	Cuộn		03	
31	Băng Esmarch	Cuộn		03	
32	Băng phooc	Chiếc		01	
33	Băng tam giác	Chiếc		03	
34	Bát và 2 thìa	Bộ		03	
35	Bình làm ấm	Chiếc		03	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
36	Bình oxy	Chiếc		03	
37	Bình phong	Chiếc		03	
38	Bô	Chiếc		03	
39	Bô dẹt	Chiếc		03	
40	Bô vẹt	Chiếc		03	
41	Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Bộ		03	
42	Bộ nẹp gỗ sơ cứu (10 thanh)	Bộ		03	
43	Bộ thử test đầu giường	Bộ		03	
44	Bóc thụt	Chiếc		03	
45	Bơm tiêm	Bộ		19	
		Mỗi bộ bao gồm			
	Loại 20 ml	Chiếc		01	
	Loại 50 ml	Chiếc		01	
46	Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt	Chiếc		03	
47	Bóng ambu	Chiếc		03	
48	Ca	Chiếc		03	
49	Cốc chia vạch	Chiếc		03	
50	Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin	Chiếc		03	
51	Cốc đựng thức ăn	Chiếc		03	
52	Cốc đựng thuốc	Chiếc		03	
53	Cốc	Chiếc		03	
54	Bình đựng nước nguội	Chiếc		03	
55	Phích đựng nước nóng	Chiếc		01	
56	Canuyn và khóa van	Bộ		03	
57	Chậu	Chiếc		03	
58	Chậu inox	Chiếc		03	
59	Cọc truyền inox 2 tai treo	Chiếc		01	
60	Dao mổ + cán dao	Chiếc		03	
61	Dây cao su mềm	Chiếc		03	
62	Dây dẫn đo áp lực dịch não tủy	Chiếc		03	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
63	Dây dẫn lưu màng phổi	Chiếc		03	
64	Dây dẫn lưu màng tim	Chiếc		03	
65	Dây dẫn lưu ổ bụng	Chiếc		03	
66	Dây garo và gói nhỏ	Bộ		03	
67	Dây thở oxy 2 nhánh	Chiếc		03	
68	Dây truyền	Chiếc		03	
69	Đè lưỡi	Chiếc		03	
70	Đèn cồn	Chiếc		03	
71	Đèn soi thanh quản	Chiếc		03	
72	Hộp inox chữ nhật	Chiếc		03	
73	Hộp đựng bông gạc	Chiếc		03	
74	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Chiếc		03	
75	Hộp đựng dung dịch khử khuẩn	Chiếc		03	
76	Hộp đựng khăn vô khuẩn	Chiếc		03	
77	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ		03	
78	Hộp tròn inox	Chiếc		03	
79	Hộp inox đựng bông cầu	Chiếc		03	
80	Hộp tròn đựng bông cồn	Chiếc		03	
81	Kéo	Bộ		03	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Kéo cong	Chiếc		01	
	Kéo thẳng	Chiếc		01	
	Kéo cắt chỉ	Chiếc		01	
Kéo đầu tù	Chiếc		01		
82	Kẹp phẫu tích	Chiếc		03	
83	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc		03	
84	Khăn tắm	Chiếc		03	
85	Khăn rửa mặt	Chiếc		03	
86	Máng gội đầu	Chiếc		03	
87	Khay chữ nhật	Chiếc		03	
88	Khay hạt đậu	Chiếc		03	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
89	Kim chọc dò	Chiếc		03	
90	Kim chọc dò Terumo	Chiếc		03	
91	Kim chọc dò tủy sống	Chiếc		03	
92	Kim khâu da	Chiếc		03	
93	Kim khâu da + chỉ line	Chiếc		03	
94	Kìm mang kim	Chiếc		03	
95	Kìm mở miệng	Chiếc		03	
96	Lọ đựng phân	Chiếc		03	
97	Lược	Chiếc		03	
98	Mask thở oxy	Chiếc		03	
99	Mô hình đa năng	Bộ		01	
100	Mô hình đặt ống thông dạ dày	Chiếc		01	
101	Mô hình hồi sinh tim phổi	Bộ		01	
102	Mô hình thông tiểu nam	Chiếc		01	
103	Mô hình thông tiểu nữ	Chiếc		01	
104	Mô hình thụt tháo	Bộ		01	
105	Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch cánh tay	Bộ		01	
106	Mô hình tiêm mông	Bộ		01	
107	Ống đong có chia vạch	Chiếc		03	
108	Ống faucher	Chiếc		03	
109	Ống nghe tim phổi	Chiếc		03	
110	Ống nghiệm	Bộ		01	
		Mỗi bộ gồm			
	Loại 20ml	Chiếc		03	
	Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc		01	
	Giá kẹp ống nghiệm	Chiếc		01	
111	Ống nội khí quản	Chiếc		03	
112	Ống sonde Clini	Chiếc		01	
113	Ống sonde Levin	Chiếc		01	
114	Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)	Chiếc		01	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
115	Bộ panh	Bộ		03	
		Mỗi bộ bao gồm			
	Loại cong có máu	Chiếc		01	
	Loại cong không máu	Chiếc		01	
	Loại thẳng có máu	Chiếc		01	
	Loại thẳng không máu	Chiếc		01	
116	Panh Farabeuf	Chiếc		01	
117	Quả bóp cao su và sonde Nelaton	Bộ		03	
118	Que bệt	Chiếc		03	
119	Săng 50 x 50 cm	Chiếc		03	
120	Săng có lỗ	Chiếc		03	
121	Săng mở	Chiếc		03	
122	Tạp dề	Chiếc		03	
123	Thìa gạt	Chiếc		03	
124	Trụ cắm panh inox	Chiếc		03	
125	Túi chườm	Chiếc		03	
126	Túi đựng dụng cụ cấp cứu	Túi		03	
127	Vò đập đá	Chiếc		03	
128	Xô	Chiếc		03	
129	Thùng rác y tế	Chiếc		01	
130	Bộ tranh vẽ: tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, cơ quan tạo máu, sử trí ngộ độc cấp, say nắng, say nóng, ngạt nước, rắn cắn,...	Bộ		01	
131	Bộ tranh quy trình kỹ thuật điều dưỡng	Bộ		01	

2.7. Phòng thực hành Bào chế đông dược

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)		
1	Bộ cô cao dược liệu	Bộ		1	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)		
2	Chậu thủy tinh	Chiếc		6	
3	Bếp	Chiếc		2	
4	Chảo	Chiếc		4	
5	Siêu	Chiếc		4	
6	Thuyền tán	Chiếc		2	
7	Dao cầu	Chiếc		4	
8	Dao thái	Chiếc		8	
9	Dao bào	Chiếc		4	
10	Bộ chiết xuất ngấm kiệt	Bộ		2	
11	Ấm sắc thuốc	Chiếc		6	
12	Chõ	Chiếc		2	
13	Bộ cối chày	Bộ		9	
14	Bộ rây	Chiếc		6	
15	Máy vi tính	Bộ		1	
16	Máy chiếu	Bộ		1	
17	Máy in	Cái		1	
18	Alcol kê bách phân	Chiếc		10	
19	Giá lọc	Chiếc		9	
20	Bộ Phễu lọc	Chiếc		1	
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>				
	<i>Loại phễu ϕ 5 - 7cm</i>	<i>Chiếc</i>		10	
	<i>Loại phễu ϕ 10 - 15cm</i>	<i>Chiếc</i>		1	
	Bộ khay đựng	Bộ		1	
	<i>Mỗi bộ bao gồm:</i>				
	<i>Loại 20x30 cm</i>	<i>Chiếc</i>		10	
	<i>Loại 40x50cm</i>	<i>Chiếc</i>		2	
21	Đũa thủy tinh	Chiếc		6	
22	Bàn chải	cái			
23	Giàn, sàng	cái		2	
	Tủ thuốc đông y	Chiếc		01	

2.8. Phòng thực hành Đông dược và thừa kế

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
1.	Máy vi tính	Bộ		01	
2.	Máy in	Chiếc		01	
3.	Máy chiếu + Màn chiếu	Bộ		01	
4.	Bộ vị thuốc mẫu y học cổ truyền	Bộ		01	
5.	Dụng cụ chia thuốc, gói thuốc	Chiếc		01	
6.	Dược thư và sách hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ		01	
7.	Bồn rửa tay thường quy	Cái		01	
8.	Tủ lạnh	Cái		01	

2.9. Phòng thực hành Châm cứu, Bệnh học Y học cổ truyền

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
1	Máy vi tính	Bộ		01	
2	Máy chiếu (Projector), Màn chiếu	Bộ		01	
3	Máy in	Cái		01	
4	Bảng phooc	Cái		01	
5	Giường người bệnh	Cái		08	
6	Gối	Cái		08	
7	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Cái		02	
8	Máy điện châm	Cái		01	
9	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Cái		01	
10	Tủ đựng thuốc tây y	Cái		02	
11	Máy điện châm đa năng	Cái		01	
12	Tượng các huyệt (mô hình huyệt)	Cái		01	
13	Kim châm cứu	Bộ		01	
14	Hộp đựng bông gạc	Cái		01	
15	Khay chữ nhật	Cái		03	
16	Khay hạt đậu	Cái		03	
17	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ		03	
18	Thùng rác y tế	Cái		02	

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Ghi chú (8)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu (7)	Cơ sở có	
19	Xô	Cái		03	
20	Túi bóng xanh	Gram		1000	
21	Túi bóng vàng	Gram		1000	
22	Panh cong có máu	Cái		03	
23	Panh cong không máu	Cái		01	
24	Panh thẳng có máu	Cái		01	
25	Panh thẳng không máu	Cái		01	
26	Panh	Cái		03	
27	Trụ cắm panh inox	Cái		03	
28	Bồn rửa tay thường quy	Cái		03	
29	Bộ tranh các huyết đông y	Bộ		03	
30	Phấn rôm	Lọ		01	
31	Tinh dầu xoa bóp	Lọ		01	
32	Dầu xoa bóp	Chai		01	
33	Máy xoa bóp	Cái		01	
34	Ghế tựa gỗ	Cái		04	

II. NHÀ GIÁO

- Tổng số nhà giáo: 23
- Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 35/23
- Nhà giáo cơ hữu:

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn (10)	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1	Nguyễn Thị Lệ Ninh	Thạc sĩ Khoa học GD	x		Giáo dục chính trị
2	Lê Hòa Bình	Thạc sĩ Triết học	x		Pháp luật
3	Đỗ Thị Huệ	Cử nhân SP Giáo dục thể chất	x		Giáo dục thể chất
4	Ngô Minh Đức	Cử nhân Giáo dục quốc phòng và An ninh	x		Giáo dục quốc phòng và An ninh
5	Đỗ Thị Thanh Hải	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	x		Tin học

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn (10)	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
6	Nguyễn Thị Kim Liên	Thạc sĩ Tiếng Anh	x		Tiếng Anh
7	Trần Ngọc Thúy	Thạc sĩ Y học dự phòng	x		Giải phẫu sinh lý
8	Đào Thị Huệ	CKI. Xét nghiệm	x		Hóa sinh - Vi sinh - Ký sinh trùng
9	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Dược sĩ đại học	x		Dược lý
10	Phạm Thị Vân Anh	Thạc sĩ Điều dưỡng	x		Điều dưỡng cơ sở
11	Bùi Thị Hương Quỳnh	Thạc sĩ Y tế cộng đồng	x		Y đức và sức khỏe cộng đồng
12	Nguyễn Xuân Huỳnh	ThS. Y học cổ truyền	x		Lý luận y học cổ truyền
13	Đào Thị Dân	CKI. Y học cổ truyền	x		Đông dược và thừa kế
14	Nguyễn Xuân Huỳnh	Thạc sĩ Y học cổ truyền	x		Bài thuốc cổ phương
15	Hoàng Hải Yên	Thạc sĩ dược học	x		Bào chế đông dược
16	Trần Thị Hải		x		Châm cứu
17	Nguyễn Thị Thanh Thảo	CKI. Điều dưỡng nội	x		Xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh
18	Đinh Ngọc Hoàng	CKI. Ngoại khoa	x		Bệnh học y học hiện đại
19	Trần Thị Hải	Cử nhân Y học cổ truyền	x		Bệnh học y học cổ truyền
20	Nông Thị Tuyền	Tiến sĩ Nội tiêu hóa	x		Thực hành lâm sàng y học hiện đại
21	Trần Thị Hải	Cử nhân Y học cổ truyền	x		Thực hành lâm sàng châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh
22	Nguyễn Xuân Huỳnh	Thạc sĩ Y học cổ truyền	x		Thực hành lâm sàng y học cổ truyền
23	Trần Thị Hải	Cử nhân Y học cổ truyền	x		Thực tập Cộng đồng

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN - TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP

Tên ngành: Y HỌC CỔ TRUYỀN

Mã ngành: 5720102

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung: Đào tạo người Y học cổ truyền:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp theo quy định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

- Có kiến thức, kỹ năng chuyên môn về Y học cổ truyền trình độ trung cấp; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm trước sức khỏe và tính mạng người bệnh; có đủ sức khỏe; không ngừng học tập để nâng cao trình độ.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải phẫu – sinh lý, vi sinh – ký sinh trùng, dược lý, điều dưỡng cơ bản, cấp cứu ban đầu.

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

- Trình bày các nguyên nhân, triệu chứng, biến chứng, chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh thường gặp theo y học hiện đại và y học cổ truyền.

- Trình bày được các phương pháp bào chế dược liệu y học cổ truyền.

- Mô tả đúng hệ thống kinh lạc, trình bày được vị trí và tác dụng của các huyệt thường dùng, giải thích các nguyên tắc chọn huyệt trong điều trị.

- Trình bày được kỹ thuật châm, điện châm, kỹ thuật cứu và các thủ thuật bổ tả.

- Mô tả được các động tác xoa bóp tác động lên da, cơ, xương khớp và huyệt.

- Trình bày được các bước thăm khám và phát hiện được các triệu chứng y học cổ truyền thường gặp trên lâm sàng.

- Trình bày được các quy định của luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Kỹ năng cứng

- Thực hành thành thạo các kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán và kê đơn thuốc chữa bệnh thường gặp bằng Y học cổ truyền, chẩn đoán bệnh bằng Y học cổ truyền kết hợp với Y học hiện đại tại tuyến cơ sở.

- Thực hành thành thạo các thủ thuật châm cứu, xoa bóp bấm huyệt, các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu.

- Tham gia công tác quản lý trạm y tế, Truyền thông giáo dục sức khỏe; phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, vận động cộng đồng cùng tham gia giải quyết những vấn đề sức khỏe ở địa phương.

- Hướng dẫn nhân dân thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng bằng Y học cổ truyền.

- Hướng dẫn trồng và sử dụng các cây thuốc Nam để chữa một số bệnh và chứng bệnh tại gia đình và cộng đồng.

- Tham gia các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, các chương trình y tế quốc gia tại địa phương.

1.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Giao tiếp tốt với người bệnh, gia đình và hợp tác tốt với các thành viên trong nhóm chăm sóc để đảm bảo quyền, lợi ích và vì sự an toàn của người bệnh.

- Hợp tác và làm việc nhóm với đồng nghiệp và với các ban ngành, đoàn thể để thực hiện tốt công tác quản lý trạm y tế và truyền thông giáo dục sức khỏe.

- Tự học, tự nghiên cứu và thực hành có bằng chứng về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe người bệnh.

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc.

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập, làm việc nhóm, giải quyết công việc và đưa ra quyết định trong các tình huống thực tế tại lâm sàng. Có khả năng hướng dẫn, giám sát và đánh giá hoàn thành công việc của các thành viên trong nhóm.

- Chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân trước nhóm và cấp trên.

- Thận trọng, tỉ mỉ, khoa học và đúng mực trong khi thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện hành nghề theo quy định của pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, các quy chế chuyên môn để thiết lập môi trường làm việc an toàn, nâng cao chất lượng chăm sóc và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu làm việc tại các vị trí việc làm của ngành nghề, bao gồm:

- Bác thuốc y học cổ truyền;

- Châm cứu;

- Xoa bóp - bấm huyệt;

- Bào chế dược liệu;

- Kinh doanh thuốc thành phẩm y học cổ truyền;

- Thực hành chuyên môn y học cổ truyền tại cơ sở y tế của Nhà nước hoặc cơ sở y tế ngoài công lập theo quy chế tuyển dụng công chức và người lao động, cụ thể là:

những công việc chuyên môn tại các bệnh viện, các phòng khám khu vực, các trạm y tế xã phường.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 24

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 62 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1395 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 395 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1165 giờ

3. Nội dung chương trình

TT	Mã MH, MĐ	Tên môn học, Mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận	Thi, kiểm tra
I		Các môn chung					
1	MHTC651	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
2	MHTC652	Pháp luật	1	15	9	5	1
3	MHTC653	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
4	MHTC654	Giáo dục quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
5	MHTC655	Tin học	2	45	15	29	1
6	MHTC656	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
II		Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1		Môn học, mô đun cơ sở					
7	MHTC657	Giải phẫu - Sinh lý	2	45	26	16	3
8	MHTC658	Hóa sinh -Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	22	20	3
9	MHTC659	Dược lý	2	30	20	8	2
10	MĐTC655	Điều dưỡng cơ sở	5	120	28	84	8
11	MHTC661	Y đức và Sức khỏe cộng đồng	4	60	48	8	4
		<i>Y đức</i>			8		1
		<i>Giáo dục sức khỏe</i>			17	4	1
		<i>Tổ chức y tế</i>			4		
		<i>Sức khỏe và môi trường</i>			8		1
		<i>Chăm sóc sức khỏe cộng đồng</i>			11	4	1
II.2		Môn học, mô đun chuyên môn					
12	MHTC662	Lý luận y học cổ truyền	2	30	28	0	2
13	MHTC663	Đông dược và thừa kế	2	45	14	28	3
14	MHTC664	Bài thuốc cổ phương	2	30	28	0	2
15	MĐTC651	Bào chế đông dược	3	75	14	56	5
16	MĐTC652	Châm cứu	2	45	14	28	3
17	MĐTC653	Xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh	3	75	14	56	5
18	MHTC665	Bệnh học y học hiện đại	3	45	31	12	2
19	MĐTC654	Bệnh học y học cổ truyền	3	75	14	56	5

TT	Mã MH, MĐ	Tên môn học, Mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thí nghiệm, bài tập, thảo luận	Thi, kiểm tra
20	MHTC666	Thực hành lâm sàng y học hiện đại	3	135	0	129	6
21	MHTC667	Thực hành lâm sàng châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh	2	90	0	86	4
22	MHTC668	Thực hành lâm sàng bệnh học y học cổ truyền	4	180	0	172	8
23	MHTC669	Thực tập Cộng đồng	2	90	0	86	4
24	MHTC670	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	172	8
TỔNG CỘNG			62	1650	395	1165	90

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Căn cứ vào điều kiện cụ thể và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quyết định 162/QĐ-CDYT ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Thái Nguyên quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình đào tạo.

4.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trung cấp ngành Y học cổ truyền và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu trung cấp Y học cổ truyền theo quy định của trường.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn